BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 2392 /QĐ-BKHCN	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở của Bộ Khoa học và công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 6 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở của Bộ Khoa học và công nghệ (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Các định mức không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2015 TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTH.

BỘ TRƯỞNG

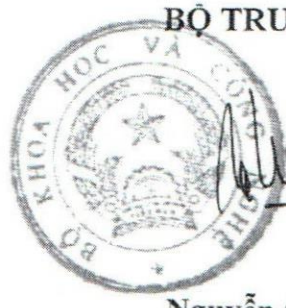

Nguyễn Quân

PHỤ LỤC

Quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở của Bộ Khoa học và Công nghệ

(Kèm theo Quyết định số: 2892/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp Bộ (nghìn đồng)	Khung định mức chi tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ cấp cơ sở (nghìn đồng)
1	**Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN**			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		600	400
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500	350
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện Hội đồng		300	250
2	**Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN**			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		900	600
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600	400
	Thư ký hành chính		200	150

	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện Hội đồng		450	300
3	**Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN**			
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	450	300
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350	200
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200	150
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150	100
4	**Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN**			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		900	600
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600	400
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		300	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện Hội đồng		450	300

- Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hồi đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại Mục I Phụ lục ban hành theo Quyết định này.

II. Định mức dự toán tiền công lao động trực tiếp

STT	Nội dung công việc	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn) áp dụng đối với nhiệm vụ cấp Bộ	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn) áp dụng đối với nhiệm vụ cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,55	0,39
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,34	0,24
3	Thành viên	0,18	0,13
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,13	0,10

III. Định mức chi hội thảo khoa học

STT	Nội dung công việc	Mức chi thù lao thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ (Đơn vị nghìn đồng)	Mức chi thù lao thuộc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (Đơn vị nghìn đồng)
1	Người chủ trì	900/buổi	600/buổi
2	Thư ký hội thảo	300/buổi	200/buổi
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	1.200 /báo cáo	800/báo cáo
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	600/báo cáo	400/báo cáo
5	Thành viên tham gia hội thảo	150/buổi	100/buổi